**ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TỈNH LÂM ĐỒNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2399/QĐ-UBND *Lâm Đồng, ngày 22 tháng 10 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính**

**lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của**

**cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;*

*Căn cứ Quyết định số 2053/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng công bố danh mục thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàntỉnh Lâm Đồng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Đoàn Văn Việt**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**

**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**

*(Kèm theo Quyết định số: 2399/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng)*

**A. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (09 thủ tục)**

**I. QUY TRÌNH NỘI BỘ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA UBND TỈNH (07 thủ tục liên thông)**

**1. Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lýu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài đýợc ýu tiên bảo vệ (mã TTHC 1.008675)**

- Áp dụng tại các cơ quan: Trung tâm Phục vụ hành chính công, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh.

- Thời gian giải quyết TTHC: 35 ngày làm việc (27 ngày làm việc tại Sở; 08 ngày làm việc tại UBND tỉnh).

| **Bước thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm thực hiện** | **Thời gian** |
| --- | --- | --- | --- |
| B1 và B10 | Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 01 ngày |
| B2 | Thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ hoặc ban hành văn bản trong trường hợp không cấp | Sở Tài nguyên và Môi trường | 24,5 ngày |
| B3 | Đóng dấu, phát hành | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| B4 | UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ | Văn thư Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B5 | Thẩm định, xử lý hồ sơ | Chuyên viên Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 04 ngày |
| B6 | Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản | Lãnh đạo Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 01 ngày |
| B7 | Xem xét hồ sơ và ký Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lýu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài đýợc ýu tiên bảo vệ hoặc ký văn bản thông báo trong trýờng hợp không cấp | Lãnh đạo UBND tỉnh | 02 ngày |
| B8 | UBND tỉnh trả hồ sơ | Văn thý Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B9 | Nhận kết quả từ UBND tỉnh vào sổ thống kê, theo dõi kết quả thực hiện và chuyển kết quả thực hiện TTHC cho Trung tâm PVHCC | Văn thư Sở | 01 ngày |

**2. Cấp Giấy chứng nhận Cõ sở bảo tồn đa dạng sinh học (mã TTHC 1.008682)**

- Áp dụng tại các cơ quan: Trung tâm Phục vụ hành chính công, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh.

- Thời gian giải quyết TTHC: 60 ngày làm việc (52 ngày làm việc tại Sở; 08 ngày làm việc tại UBND tỉnh).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm thực hiện** | **Thời gian** |
| B1 và  B10 | Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 01 ngày |
| B2 | Thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận cõ sở bảo tồn đa dạng sinh học hoặc ban hành văn bản trong trường hợp không cấp | Sở Tài nguyên và Môi trường | 49,5 ngày |
| B3 | Đóng dấu, phát hành | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| B4 | UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ | Văn thư Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B5 | Thẩm định, xử lý hồ sơ | Chuyên viên Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 04 ngày |
| B6 | Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản | Lãnh đạo Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 01 ngày |
| B7 | Xem xét hồ sơ và ký cấp Giấy chứng nhận cõ sở bảo tồn đa dạng sinh học hoặc ký văn bản thông báo trong trýờng hợp không cấp | Lãnh đạo UBND tỉnh | 02 ngày |
| B8 | UBND tỉnh trả hồ sơ | Văn thý Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B9 | - Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ UBND tỉnh vào sổ thống kê, theo dõi kết quả thực hiện TTHC  - Chuyển kết quả thực hiện TTHC cho Trung tâm PVHCC | Văn thư Sở | 01 ngày |

**3. Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trýờng/báo cáo đánh giá tác động môi trýờng lập lại (mã TTHC 1.004249)**

***a. Đối với trýờng hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trýờng của các dự án thuộc Phụ lục IIa Mục I ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP***

- Áp dụng tại các cơ quan: Trung tâm Phục vụ hành chính công, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh.

- Thời gian giải quyết TTHC: 55 ngày làm việc (45 ngày làm việc tại Sở; 10 ngày làm việc tại UBND tỉnh, trong đó: 04 ngày thành lập hội đồng và 06 ngày ban hành quyết định phê duyệt)

| **Bước thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm thực hiện** | **Thời gian** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Giai đoạn 1** |  | **35**  **ngày** |
| B1 và B20 | Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý và trả kết quả | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 0,5 ngày |
| B2 | Thẩm định hồ sơ, tham mưu UBND tỉnh thành lập Hội đồng | Sở Tài nguyên và Môi trường | 4,5 ngày |
| B3 | Đóng dấu, phát hành | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| B4 | UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ | Văn thư Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B5 | Thẩm định, xử lý hồ sơ | Chuyên viên Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 1,5 ngày |
| B6 | Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản | Lãnh đạo Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B7 | Xem xét hồ sơ và ký ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định của UBND tỉnh | Lãnh đạo UBND tỉnh | 01 ngày |
| B8 | UBND tỉnh trả hồ sơ | Văn thý Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B9 | Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ UBND tỉnh chuyển cho Chi cục Bảo vệ môi trường xử lý | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| B10 | Họp hội đồng thẩm định; văn bản thông báo kết quả đánh giá của Hội đồng thẩm định và những yêu cầu liên quan đến việc hoàn chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trýờng **(\*)** | Sở Tài nguyên và Môi trường | 25 ngày |
| **II** | **Giai đoạn 2** |  | **20** **ngày** |
| B11 | Tiếp nhận hồ sơ chỉnh sửa của chủ dự án (nếu có) | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 0,5 ngày |
| B12 | Thẩm định hồ sơ chỉnh sửa của chủ dự án:  - Trường hợp chủ dự án đã chỉnh sửa, bổ sung, giải trình thì Sở tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;  - Trường hợp chủ dự án chưa chỉnh sửa, bổ sung hoặc giải trình theo yêu cầu thì Sở có văn bản trả lại chủ dự án hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, theo Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ đýợc sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ). | Sở Tài nguyên và Môi trường | 12,5 ngày |
| B13 | Đóng dấu, phát hành | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| B14 | UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ | Văn thư Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B15 | Thẩm định, xử lý hồ sơ | Chuyên viên Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 03 ngày |
| B16 | Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản | Lãnh đạo Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 01 ngày |
| B17 | Xem xét hồ sơ và ký ban hành Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của UBND tỉnh | Lãnh đạo UBND tỉnh | 01 ngày |
| B18 | UBND tỉnh trả hồ sơ | Văn thý Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B19 | Nhận kết quả giải quyết TTHC từ UBND tỉnh vào sổ thống kê, theo dõi kết quả thực hiện và chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC | Văn thư Sở | 0,5 ngày |

***(\*)*** *Chủ dự án phải hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường theo yêu cầu của cơ quan thẩm định và gửi cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo cáo đánh giá tác động môi trường trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định (theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5, Điều 1 Nghị định số 40/2019/ NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ).*

***b. Đối với trýờng hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trýờng của các dự án thuộc Phụ lục II nhýng loại hình không thuộc Phụ lục IIa Mục I ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP***

- Áp dụng tại các cơ quan: Trung tâm Phục vụ hành chính công, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh.

- Thời gian giải quyết TTHC: 50 ngày làm việc (40 ngày làm việc tại Sở; 10 ngày làm việc tại UBND tỉnh, trong đó: 04 ngày thành lập hội đồng và 06 ngày ban hành quyết định phê duyệt)

| **Bước thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm thực hiện** | **Thời gian** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Giai đoạn 1** |  | **30** **ngày** |
| B1 và B20 | Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý và trả kết quả | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 0,5 ngày |
| B2 | Thẩm định hồ sơ, tham mưu UBND tỉnh thành lập Hội đồng | Sở Tài nguyên và Môi trường | 4,5 ngày |
| B3 | Đóng dấu, phát hành | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| B4 | UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ | Văn thư Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B5 | Thẩm định, xử lý hồ sơ | Chuyên viên Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 1,5 ngày |
| B6 | Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản | Lãnh đạo Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B7 | Xem xét hồ sơ và ký ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định của UBND tỉnh | Lãnh đạo UBND tỉnh | 01 ngày |
| B8 | UBND tỉnh trả hồ sơ | Văn thý Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B9 | Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ UBND tỉnh chuyển cho Chi cục Bảo vệ môi trường xử lý | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| B10 | Họp hội đồng thẩm định; văn bản thông báo kết quả đánh giá của Hội đồng thẩm định và những yêu cầu liên quan đến việc hoàn chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trýờng **(\*)** | Sở Tài nguyên và Môi trường | 20 ngày |
| **II** | **Giai đoạn 2** |  | **20** **ngày** |
| B11 | Tiếp nhận hồ sơ chỉnh sửa của chủ dự án (nếu có) | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 0,5 ngày |
| B12 | Thẩm định hồ sơ chỉnh sửa của chủ dự án:  - Trường hợp chủ dự án đã chỉnh sửa, bổ sung, giải trình thì Sở tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;  - Trường hợp chủ dự án chưa chỉnh sửa, bổ sung hoặc giải trình theo yêu cầu thì Sở có văn bản trả lại chủ dự án hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, theo Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ đýợc sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ). | Sở Tài nguyên và Môi trường | 12,5 ngày |
| B13 | Đóng dấu, phát hành | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| B14 | UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ | Văn thư Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B15 | Thẩm định, xử lý hồ sơ | Chuyên viên Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 03 ngày |
| B16 | Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản | Lãnh đạo Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 01 ngày |
| B17 | Xem xét hồ sơ và ký ban hành Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của UBND tỉnh | Lãnh đạo UBND tỉnh | 01 ngày |
| B18 | UBND tỉnh trả hồ sơ | Văn thý Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B19 | Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ UBND tỉnh vào sổ thống kê, theo dõi kết quả thực hiện và chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC | Văn thư Sở | 0,5 ngày |

***(\*)*** *Chủ dự án phải hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường theo yêu cầu của cơ quan thẩm định và gửi cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo cáo đánh giá tác động môi trường trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định (theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5, Điều 1 Nghị định số 40/2019/ NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ)*

***c. Đối với hình thức thẩm định thông qua việc lấy ý kiến cõ quan, tổ chức liên quan đối với các báo cáo đánh giá tác động môi trýờng của các dự án quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP đã đýợc sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 40/2019/NĐ-CP bao gồm các dự án thuộc đối týợng phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trýờng***

- Áp dụng tại các cơ quan: Trung tâm Phục vụ hành chính công, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh.

- Thời gian giải quyết TTHC: 45 ngày làm việc (35 ngày làm việc tại Sở; 10 ngày làm việc tại UBND tỉnh. Trong đó: 04 ngày thành lập hội đồng và 06 ngày ban hành quyết định phê duyệt)

| **Bước thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm thực hiện** | **Thời gian** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Giai đoạn 1** |  | **25** **ngày** |
| B1 và B22 | Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý và trả kết quả | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 0,5 ngày |
| B2 | Thẩm định hồ sơ, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt danh sách cơ quan, tổ chức, chuyên gia được lấy ý kiến thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường | Sở Tài nguyên và Môi trường | 04 ngày |
| B3 | Đóng dấu, phát hành | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| B4 | UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ | Văn thư Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B5 | Thẩm định, xử lý hồ sơ | Chuyên viên Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 1,5 ngày |
| B6 | Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản | Lãnh đạo Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B7 | Xem xét hồ sơ và ký phê duyệt danh sách cõ quan, tổ chức, chuyên gia đýợc lấy ý kiến thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trýờng | Lãnh đạo UBND tỉnh | 01 ngày |
| B8 | UBND tỉnh trả hồ sơ | Văn thý Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B9 | Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ UBND tỉnh chuyển cho Chi cục Bảo vệ môi trường xử lý | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| B10 | Gửi văn bản xin ý kiến cõ quan, tổ chức, chuyên gia theo danh sách đýợc UBND tỉnh phê duyệt | Sở Tài nguyên và Môi trường | 03 ngày |
| B11 | Các cõ quan, tổ chức, chuyên gia đýợc lấy ý kiến trả lời bằng văn bản | Các cơ quan, tổ chức, chuyên gia | 07 ngày |
| B12 | Tổng hợp ý kiến của các cõ quan, tổ chức, chuyên gia đýợc lấy ý kiến và ban hành văn bản thông báo kết quả thẩm định **(\*)** | Sở Tài nguyên và Môi trường | 5,5 ngày |
| **II** | **Giai đoạn 2** |  | **20** **ngày** |
| B13 | Tiếp nhận hồ sơ chỉnh sửa của chủ dự án (nếu có) | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 0,5 ngày |
| B14 | Thẩm định hồ sơ chỉnh sửa của chủ dự án:  - Trường hợp chủ dự án đã chỉnh sửa, bổ sung, giải trình thì Sở tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;  - Trường hợp chủ dự án chưa chỉnh sửa, bổ sung hoặc giải trình theo yêu cầu thì Sở có văn bản trả lại chủ dự án hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, theo Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ đýợc sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ). | Sở Tài nguyên và Môi trường | 12,5 ngày |
| B15 | Đóng dấu, phát hành | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| B16 | UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ | Văn thư Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B17 | Thẩm định, xử lý hồ sơ | Chuyên viên Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 03 ngày |
| B18 | Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản | Lãnh đạo Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 01 ngày |
| B19 | Xem xét hồ sơ và ký ban hành Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của UBND tỉnh | Lãnh đạo UBND tỉnh | 01 ngày |
| B20 | UBND tỉnh trả hồ sơ | Văn thý Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B21 | Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ UBND tỉnh vào sổ thống kê, theo dõi kết quả thực hiện và chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC | Văn thư Sở | 0,5 ngày |

***(\*)*** *Chủ dự án phải hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường theo yêu cầu của cơ quan thẩm định và gửi cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo cáo đánh giá tác động môi trường trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định (theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5, Điều 1 Nghị định số 40/2019/ NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ)*

**4. Chấp thuận về môi trýờng (Trýờng hợp dự án có những thay đổi đýợc quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật bảo vệ môi trýờng trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án) (mã TTHC 1.004141)**

- Áp dụng tại các cơ quan: Trung tâm Phục vụ hành chính công, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh.

- Thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc (12 ngày làm việc tại Sở; 03 ngày làm việc tại UBND tỉnh).

| **Bước thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm thực hiện** | **Thời gian** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Giai đoạn 1** |  | **09** **ngày** |
| B1 và B14 | Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý và trả kết quả | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 0,5 ngày |
| B2 | Thẩm định hồ sơ, gửi hồ sõ lấy ý kiến của các chuyên gia | Sở Tài nguyên và Môi trường | 04 ngày |
| B3 | Các chuyên gia đýợc lấy ý kiến trả lời bằng văn bản | Các chuyên gia | 03 ngày |
| B4 | Tổng hợp ý kiến của các chuyên gia được lấy ý kiến và ban hành văn bản chỉnh lý hoặc trình UBND tỉnh phê duyệt | Sở Tài nguyên và Môi trường | 1,5 ngày |
| **II** | **Giai đoạn 2** |  | **06** **ngày** |
| B5 | Tiếp nhận hồ sơ chỉnh sửa (nếu có) | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 0,5 ngày |
| B6 | Thẩm định hồ sơ chỉnh sửa, trình UBND tỉnh hoặc có văn bản trả lời chủ dự án | Sở Tài nguyên và Môi trường | 1,5 ngày |
| B7 | Đóng dấu, phát hành | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| B8 | UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ | Văn thư Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B9 | Thẩm định, xử lý hồ sơ | Chuyên viên Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 01 ngày |
| B10 | Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản | Lãnh đạo Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B11 | Xem xét hồ sơ và ký ban hành quyết định phê duyệt điều chỉnh một số nội dung quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trýờng của UBND tỉnh | Lãnh đạo UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B12 | UBND tỉnh trả hồ sơ | Văn thý Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B13 | Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ UBND tỉnh vào sổ thống kê, theo dõi kết quả thực hiện và chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC | Văn thư Sở | 0,5 ngày |

**5. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trýờng theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trýờng của dự án (mã TTHC 1.004356)**

- Áp dụng tại các cơ quan: Trung tâm Phục vụ hành chính công, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh.

- Thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc (12 ngày làm việc tại Sở; 03 ngày làm việc tại UBND tỉnh).

| **Bước thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm thực hiện** | **Thời gian** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Giai đoạn 1** |  | **08** **ngày** |
| B1 và B13 | Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý và trả kết quả | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 0,5 ngày |
| B2 | Thẩm định hồ sơ, ban hành quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trýờng, tiến hành kiểm tra thực tế, ban hành văn bản chỉnh lý hoặc trình UBND tỉnh cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án | Sở Tài nguyên và Môi trường | 07 ngày |
| B3 | Đóng dấu, phát hành | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| **II** | **Giai đoạn 2** |  | **07** **ngày** |
| B4 | Tiếp nhận hồ sơ chỉnh sửa (nếu có) | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 0,5 ngày |
| B5 | Thẩm định hồ sơ chỉnh sửa, trình UBND tỉnh hoặc có văn bản trả lời chủ dự án | Sở Tài nguyên và Môi trường | 2,5 ngày |
| B6 | Đóng dấu, phát hành | Văn thư sở | 0,5 ngày |
| B7 | UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ | Văn thư Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B8 | Thẩm định, xử lý hồ sơ | Chuyên viên Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 01 ngày |
| B9 | Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản | Lãnh đạo Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B10 | Xem xét hồ sơ và ký ban hành giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trýờng phục vụ giai đoạn vận hành của dự án | Lãnh đạo UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B11 | UBND tỉnh trả hồ sơ | Văn thý Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B12 | Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ UBND tỉnh vào sổ thống kê, theo dõi kết quả thực hiện và chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC | Văn thư Sở | 0,5 ngày |

**6. Thẩm định, phê duyệt phýõng án cải tạo, phục hồi môi trýờng trong khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP) (mã TTHC 1.004240)**

- Áp dụng tại các cơ quan: Trung tâm Phục vụ hành chính công, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh.

- Thời gian giải quyết TTHC: 55 ngày làm việc (45 ngày làm việc tại Sở; 10 ngày làm việc tại UBND tỉnh, trong đó: 06 ngày thành lập hội đồng và 04 ngày ban hành quyết định phê duyệt)

| **Bước thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm thực hiện** | **Thời gian** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Giai đoạn 1** |  | **35** **ngày** |
| B1 và B21 | Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý và trả kết quả | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 01 ngày |
| B2 | Thẩm định hồ sơ, tham mưu UBND tỉnh thành lập Hội đồng | Sở Tài nguyên và Môi trường | 4,5 ngày |
| B3 | Đóng dấu, phát hành | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| B4 | UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ | Văn thư Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B5 | Thẩm định, xử lý hồ sơ | Chuyên viên Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 03 ngày |
| B6 | Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản | Lãnh đạo Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 01 ngày |
| B7 | Xem xét hồ sơ và ký ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định của UBND tỉnh | Lãnh đạo UBND tỉnh | 01 ngày |
| B8 | UBND tỉnh trả hồ sơ | Văn thý Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B9 | Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ UBND tỉnh chuyển cho Chi cục Bảo vệ môi trường xử lý | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| B10 | Họp hội đồng thẩm định; văn bản thông báo kết quả đánh giá của Hội đồng thẩm định và những yêu cầu liên quan đến việc hoàn chỉnh phương án cải tạo, phục hồi môi trường **(\*)** | Sở Tài nguyên và Môi trường | 22,5 ngày |
| **II** | **Giai đoạn 2** |  | **20** **ngày** |
| B11 | Tiếp nhận hồ sơ chỉnh sửa của chủ dự án (nếu có) | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 0,5 ngày |
| B12 | Thẩm định hồ sơ chỉnh sửa của chủ dự án:  - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện phê duyệt thì Sở tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường;  - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện phê duyệt thì Sở có ý kiến bằng văn bản nêu rõ lý do. | Sở Tài nguyên và Môi trường | 11,5 ngày |
| B13 | Đóng dấu, phát hành | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| B14 | UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ | Văn thư Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B15 | Thẩm định, xử lý hồ sơ | Chuyên viên Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 1,5 ngày |
| B16 | Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản | Lãnh đạo Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B17 | Xem xét hồ sơ và ký ban hành | Lãnh đạo UBND tỉnh | 01 ngày |
| B18 | UBND tỉnh trả hồ sơ | Văn thý Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B19 | Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ UBND tỉnh vào sổ thống kê, theo dõi kết quả thực hiện TTHC và Chi cục Bảo vệ môi trường xử lý | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| B20 | - Xác nhận mặt sau trang phụ bìa  - Chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC | Sở Tài nguyên và Môi trường | 03 ngày |

***(\*)*** *Chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện nội dung phương án cải tại, phục hồi môi trường và gửi cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án cải tại, phục hồi môi trường trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày ban hành văn bản thông báo kết quả thẩm định. Quá thời gian chỉnh sửa, bổ sung chủ dự án phải lập lại phương án cải tại, phục hồi môi trường (theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 5 Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**7. Xác nhận hoàn thành từng phần phýõng án cải tạo, phục hồi môi trýờng trong khai thác khoáng sản (mã TTHC 1.004258)**

- Áp dụng tại các cơ quan: Trung tâm Phục vụ hành chính công, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh.

- Thời gian giải quyết TTHC: 40 ngày làm việc (31 ngày làm việc tại Sở; 09 ngày làm việc tại UBND tỉnh, trong đó: 04 ngày thành lập hội đồng và 05 ngày ban hành Giấy xác nhận)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm thực hiện** | **Thời gian** |
| **I** | **Giai đoạn 1** |  | **25** **ngày** |
| B1 và B20 | Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý và trả kết quả | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 0,5 ngày |
| B2 | Thẩm định hồ sơ, tham mưu UBND tỉnh thành lập đoàn kiểm tra | Sở Tài nguyên và Môi trường | 4,5 ngày |
| B3 | Đóng dấu, phát hành | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| B4 | UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ | Văn thư Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B5 | Thẩm định, xử lý hồ sơ | Chuyên viên Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 1,5 ngày |
| B6 | Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản | Lãnh đạo Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B7 | Xem xét hồ sơ và ký ban hành Quyết định thành lập đoàn kiểm tra của UBND tỉnh | Lãnh đạo UBND tỉnh | 01 ngày |
| B8 | UBND tỉnh trả hồ sơ | Văn thý Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B9 | Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ UBND tỉnh chuyển cho Chi cục Bảo vệ môi trường xử lý | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| B10 | Tiến hành kiểm tra, ra văn bản thông báo chỉnh lý hoặc trình UBND tỉnh cấp giấy xác nhận hoàn thành từng phần phýõng án cải tạo, phục hồi môi trýờng | Sở Tài nguyên và Môi trường | 15 ngày |
| **II** | **Giai đoạn 2** |  | **15** **ngày** |
| B11 | Tiếp nhận hồ sơ chỉnh sửa (nếu có) | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 0,5 ngày |
| B12 | Thẩm định hồ sơ chỉnh sửa, trình UBND tỉnh hoặc có văn bản trả lời chủ dự án | Sở Tài nguyên và Môi trường | 8,5 ngày |
| B13 | Đóng dấu, phát hành | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| B14 | UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ | Văn thư Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B15 | Thẩm định, xử lý hồ sơ | Chuyên viên Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 02 ngày |
| B16 | Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản | Lãnh đạo Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 01 ngày |
| B17 | Xem xét hồ sơ và ký ban hành Giấy xác nhận hoàn thành từng phần phýõng án cải tạo phục hồi môi trýờng của UBND tỉnh | Lãnh đạo UBND tỉnh | 01 ngày |
| B18 | UBND tỉnh trả hồ sơ | Văn thý Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 0,5 ngày |
| B19 | Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ UBND tỉnh vào sổ thống kê, theo dõi kết quả thực hiện và chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC | Văn thư Sở | 0,5 ngày |

**II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (02 thủ tục)**

**1. Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trýờng của dự án (mã TTHC 1.005741)**

- Áp dụng tại các cơ quan: Trung tâm Phục vụ hành chính công, Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm thực hiện** | **Thời gian** |
| B1 và B3 | Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý và trả kết quả | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 01 ngày |
| B2 | Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế, ban hành văn bản thông báo và chuyển kết quả cho Trung tâm phục vụ HCC | Sở Tài nguyên và Môi trường | 14 ngày |

**2. Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trýờng (mã TTHC 1.004148)**

- Áp dụng tại các cơ quan: Trung tâm Phục vụ hành chính công, Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Thời gian giải quyết TTHC: 10 ngày làm việc.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm thực hiện** | **Thời gian** |
| B1 và B3 | Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý và trả kết quả | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 01 ngày |
| B2 | Thẩm định hồ sơ, thông báo bằng văn bản hoặc cấp Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường và chuyển kết quả cho Trung tâm phục vụ HCC | Sở Tài nguyên và Môi trường | 09 ngày |

**B. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (01 thủ tục)**

**1. Đăng ký xác nhận/ đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trýờng (mã TTHC 1.004138)**

- Áp dụng tại: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND cấp huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện.

- Thời gian giải quyết TTHC: 10 ngày làm việc (08 ngày tại Phòng Tài nguyên và Môi trường; 02 ngày tại UBND huyện).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm thực hiện** | **Thời gian** |
| **I** | **Giai đoạn 1** |  | **08** **ngày** |
| B1 và B11 | Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý và trả kết quả | Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện | 0,5 ngày |
| B2 | Phân công người thực hiện | Lãnh đạo Phòng Tài nguyên  và Môi trường | 01 ngày |
| B3 | Thẩm định hồ sơ:  - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, trả lại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả  - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu, dự thảo kết quả thẩm định | Chuyên viên Phòng Tài nguyên  và Môi trường | 05 ngày |
| B4 | Xem xét, kiểm tra ký duyệt hồ sơ chuyển Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện | Lãnh đạo Phòng Tài nguyên  và Môi trường | 01 ngày |
| B5 | Đóng dấu, phát hành và chuyển Văn thư Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện | Văn thư Phòng Tài nguyên  và Môi trường | 0,5 ngày |
| **II** | **Giai đoạn 2** |  | **02** **ngày** |
| B6 | Tiếp nhận hồ sơ, chuyển chuyên viên phụ trách lĩnh vực | Văn thư Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện | 0,25 ngày |
| B7 | Xem xét, kiểm tra, trình ký | Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện | 0,5 ngày |
| B8 | Kiểm tra, trình ký | Lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện | 0,5 ngày |
| B9 | Ký Giấy xác nhận đăng ký/đăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc văn bản thông báo | Lãnh đạo UBND cấp huyện | 0,5 ngày |
| B10 | Vào sổ, đóng dấu phát hành, chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên Môi trường và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện | Văn thư Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện | 0,25 ngày |